

Vietnam Daily Review

VN-Index duy trì đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/12/2022		•	
Tuần 5/12-9/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục tăng điểm trong phiên hôm nay, tuy nhiên đà tăng có sự chững lại khi chỉ số tiến đến vùng 1,100 điểm. Giằng co tại vùng này cả một ngày, cuối cùng VN-Index đóng cửa tại mốc 1,093.67 điểm, tăng gần 14 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính và ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index hôm nay hình thành cây nến Doji ở vùng giá 1,100 điểm cho thấy sự lưỡng lự của nhà đầu tư sau một đà hồi phục dài. Tuy nhiên, tâm lý thị trường nhìn chung vẫn tích cực và chỉ số sẽ có thể trở về chinh phục vùng kháng cự 1,150 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/12/2022, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+13.66** điểm, đóng cửa **1093.67** điểm. HNX-Index **+4** điểm, đóng cửa **219.96** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.44)**, **VHM (+1.2)**, **GAS (+0.96)**, **HPG (+0.8)**, **CTG (+0.78)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-0.81)**, **VIC (-0.67)**, **POW (-0.12)**, **HDC (-0.06)**, **HAG (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,955** tỷ đồng, tăng **10.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,974 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.44 điểm. Thị trường có **351** mã tăng, 40 mã tham chiếu, **135** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1378.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (204.47 tỷ)**, **HPG (185.22 tỷ)**, **SSI (177.78 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **22.62** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1093.67**
Giá trị: 17955.08 tỷ **13.66 (1.26%)**
Khối ngoại (ròng): 1378.82 tỷ

HNX-INDEX **219.96**
Giá trị: 1629.06 tỷ **4 (1.85%)**
Khối ngoại (ròng): 22.62 tỷ

UPCOM-INDEX **73.24**
Giá trị: 433.91 tỷ **1.03 (1.43%)**
Khối ngoại (ròng): -7.1 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	80.8	0.99%
Giá vàng	1,798	0.00%
Tỷ giá USD/VND	24,008	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,900	-1.69%
Tỷ giá JPY/VND	17,742	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.3%	-0.12%
LS TPCP 5 năm	5.1%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

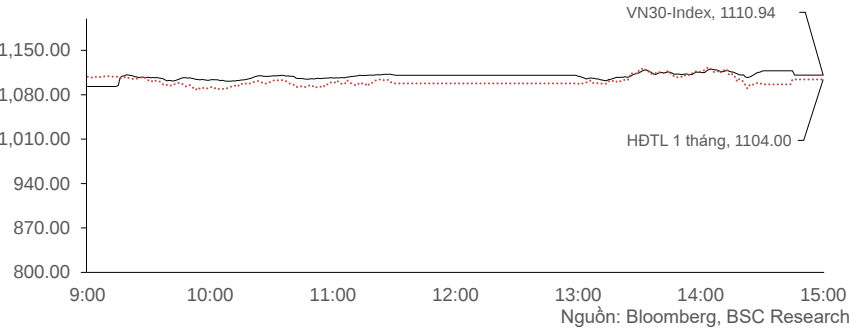
Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	204.47	PDR	-90.65
HPG	185.22	POW	-11.66
SSI	177.78	NKG	-11.31
VHM	176.69	DPM	-8.78
STB	117.53	NT2	-7.29
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Khuyến nghị dài hạn	Trang 5
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2212	1104.00	0.27%	-6.94	9.8%	472,082	12/15/2022	12
VN30F2301	1110.00	0.92%	-0.94	70.3%	2,451	1/19/2023	51
VN30F2203	1080.00	0.09%	-30.94	172.3%	885	6/15/2023	194
VN30F2206	1084.10	0.19%	-26.84	166.7%	1,139	3/16/2023	103

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 17.95 điểm lên 1110.94 điểm, biên độ dao động 26.17 điểm. Các cổ phiếu như VPB, STB, HPG, SSI, và VHM đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Nhịp vận động của VN30 đang cho thấy xu hướng biến động khá lớn với mức thanh khoản cao. Tình trạng này cho thấy lực mua đang áp đảo lực bán bán khi các thông tin thị trường tạo nhịp vận động tích cực. Khoảng biên độ dao động lớn tiếp tục kích thích số lượng hợp đồng giao dịch phái sinh. Xu hướng hiện tại vẫn nằm trong giai đoạn biến động lớn. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động VN30. Xét về KLGD, tất cả các HĐ đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2212 giảm, các HĐ còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2211	3/31/2023	116	1.33:1	4,361,000	41.02%	2,450	340	54.55%	285	1.19	23,605	35,000	18,150
CSTB2214	1/9/2023	35	2:1	835,800	53.49%	1,630	700	48.94%	584	1.20	23,940	23,000	22,300
CSTB2218	3/31/2023	116	2:1	1,721,300	53.49%	2,100	390	39.29%	527	0.74	28,560	28,000	22,300
CHPG2221	3/31/2023	116	4:1	5,144,400	48.14%	1,000	170	30.77%	191	0.89	25,520	25,000	20,000
CMBB2211	8/31/2023	269	4:1	1,829,500	43.13%	1,200	290	26.09%	222	1.30	27,920	27,000	19,000
CVPB2212	8/31/2023	269	2.66:1	3,572,800	41.02%	1,700	400	25.00%	346	1.16	25,497	37,000	18,150
CVPB2213	3/2/2023	87	1.33:1	3,780,400	41.02%	2,900	940	23.68%	562	1.67	21,327	30,500	18,150
CHDB2208	3/8/2023	93	3.99:1	796,500	34.81%	1,100	480	17.07%	152	3.16	20,828	23,999	16,950
CHPG2224	3/1/2023	86	4:1	680,200	48.14%	1,000	660	15.79%	280	2.36	24,502	22,222	20,000
CHPG2221	3/31/2023	116	4:1	5,144,400	48.14%	1,000	170	30.77%	191	0.89	25,520	25,000	20,000
CSTB2218	3/31/2023	116	2:1	1,721,300	53.49%	2,100	390	39.29%	527	0.74	28,560	28,000	22,300
CHPG2215	3/28/2023	113	10:1	2,301,900	48.14%	1,000	280	12.00%	116	2.41	25,499	22,999	20,000
CSTB2214	1/9/2023	35	2:1	835,800	53.49%	1,630	700	48.94%	584	1.20	23,940	23,000	22,300
CMWG2213	6/6/2023	183	6:1	788,000	49.44%	2,760	600	-6.25%	776	0.77	57,840	54,000	47,600
CFPT2212	6/6/2023	183	10:1	370,900	37.03%	1,870	1,400	6.06%	1,357	1.03	83,200	70,000	78,300
CMBB2211	8/31/2023	269	4:1	1,829,500	43.13%	1,200	290	26.09%	222	1.30	27,920	27,000	19,000
CVHM2217	3/1/2023	86	10:1	449,900	32.40%	1,000	1,070	7.00%	792	1.35	61,999	51,999	58,300
CVNM2207	3/28/2023	113	15.4:1	352,200	29.93%	1,100	1,340	4.69%	1,156	1.16	88,476	68,668	85,000
CHPG2224	3/1/2023	86	4:1	680,200	48.14%	1,000	660	15.79%	280	2.36	24,502	22,222	20,000
CPOW2210	6/6/2023	183	1:1	433,200	48.69%	1,870	860	1.18%	1,116	0.77	13,850	13,000	11,500
Tổng				37,629,200	44.81%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/12/2022, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2210 và CKDH2210 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 233.33% và 200%. Giá trị giao dịch tăng 122.01%. CVPB2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.04%.
- CMSN2210, CMSN2211, CVRE2212, và CVRE2210 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2219, CVNM2211, CVRE2218, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CVNM2210, CVRE2217, và CVRE2214 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	47.6	1.3%	1.0	3,029	8.7	3,504	13.6	3.0	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	114.9	-0.1%	0.6	1,229	0.7	7,720	14.9	3.3	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	50.5	4.8%	1.0	1,630	3.4	2,359	21.4	1.7	26.5%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	44.9	-0.7%	0.8	457	0.0	2,959	15.2	1.4	59.1%	9.6%
VIC	Bất động sản	68.1	-1.0%	0.5	11,293	6.9	286	238.0	2.3	12.6%	1.0%
VRE	Bất động sản	31.6	0.0%	1.1	3,117	3.2	909	34.7	2.2	33.1%	6.6%
VHM	Bất động sản	58.3	1.9%	0.9	11,037	11.5	7,221	8.1	1.9	23.8%	25.2%
DXG	Bất động sản	15.1	3.4%	1.9	400	15.4	1,390	10.9	1.0	25.0%	9.2%
SSI	Chứng khoán	20.8	6.9%	1.7	1,347	31.5	2,253	9.2	1.4	38.8%	14.5%
VCI	Chứng khoán	26.9	7.0%	1.0	509	13.0	3,018	8.9	1.8	18.1%	20.2%
HCM	Chứng khoán	23.4	4.5%	1.6	465	9.7	2,087	11.2	1.3	40.7%	14.5%
FPT	Công nghệ	78.3	1.2%	0.9	3,735	4.1	4,803	16.3	4.3	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	51.0	0.0%	0.4	728	0.0	4,926	10.4	2.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	113.2	1.8%	0.8	9,420	2.5	6,968	16.2	3.8	3.0%	25.5%
PLX	Dầu khí	32.1	1.9%	1.5	1,771	1.2	738	43.5	1.7	17.9%	3.8%
PVS	Dầu khí	23.4	2.6%	1.4	486	9.2	1,044	22.4	0.9	17.3%	4.1%
BSR	Dầu khí	15.8	0.6%	0.8	2,130	5.3	2,108	7.5	1.3	41.1%	19.1%
DHG	Dược	85.8	1.8%	0.3	488	0.1	6,822	12.6	2.8	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	41.1	-0.6%	1.4	698	3.9	15,533	2.6	1.3	18.7%	56.1%
DCM	Hóa chất	28.8	-0.7%	1.3	663	5.5	7,691	3.7	1.6	11.9%	49.8%
VCB	Ngân hàng	85.0	0.0%	0.8	17,490	6.1	5,584	15.2	3.1	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	41.3	0.1%	1.0	9,072	3.0	3,201	12.9	2.2	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	28.6	2.3%	1.4	5,976	9.4	3,239	8.8	1.3	27.4%	15.5%
VPB	Ngân hàng	18.2	4.9%	1.2	5,298	34.0	2,995	6.1	1.3	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	19.0	1.1%	1.4	3,745	16.5	3,876	4.9	1.2	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	23.6	0.4%	1.1	3,466	4.8	3,922	6.0	1.4	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	57.4	0.7%	0.7	204	0.2	6,869	8.4	1.8	85.7%	22.9%
NTP	Nhựa	32.9	4.4%	0.6	185	0.1	3,961	8.3	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	11.8	0.0%	1.6	564	0.1	178	66.3	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	20.0	2.8%	1.4	5,056	40.5	2,662	7.5	1.2	20.7%	17.0%
HSG	Thép	13.2	6.9%	1.9	342	9.4	439	30.0	0.7	6.1%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	85.0	1.2%	0.4	7,724	7.6	3,778	22.5	5.7	55.9%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	179.7	1.5%	0.8	5,010	1.3	8,428	21.3	4.7	62.7%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	105.0	1.1%	1.0	6,500	4.7	6,744	15.6	5.8	30.3%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	13.8	-0.7%	1.5	432	3.7	1,206	11.4	1.1	12.3%	9.1%
ACV	Vận tải	84.5	-0.6%	0.8	7,998	0.3	363	232.9	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	106.9	0.4%	1.1	2,517	3.2	114	936.3	3.3	16.6%	0.4%
HVN	Vận tải	11.1	3.8%	1.7	1,064	0.7	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.0	2.1%	0.8	629	1.5	3,063	15.7	2.0	49.0%	14.2%
PVT	Vận tải	19.9	-0.5%	1.3	280	1.7	2,528	7.9	1.1	18.3%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	51.4	-1.0%	0.9	358	0.2	7,783	6.6	1.6	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	39.7	1.7%	1.0	774	1.2	4,399	9.0	2.4	5.9%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.5	1.9%	1.3	174	0.2	652	16.1	0.8	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	36.1	-2.4%	1.5	116	0.9	(832)	#N/A N/A	0.3	52.6%	-0.7%
CII	Xây dựng	15.3	-1.6%	1.6	167	6.3	1,464	10.4	0.7	8.6%	7.1%
REE	Điện	79.4	1.8%	-1.4	1,227	1.2	7,767	10.2	1.9	49.1%	20.2%
PC1	Điện	19.5	-1.5%	-0.4	229	2.1	1,507	12.9	1.1	4.5%	8.7%
POW	Điện	11.5	-1.7%	0.6	1,171	7.0	499	23.1	0.9	4.5%	3.9%
NT2	Điện	26.6	-0.9%	0.7	333	1.0	2,858	9.3	1.7	16.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	22.1	2.1%	1.7	736	10.1	2,934	7.5	1.0	18.1%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	82.0	1%	0.9	3,690	0.4	1,654	49.6	4.8	2.9%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	18.15	4.91	1.44	43.39MLN
VHM	58.30	1.92	1.20	4.60MLN
GAS	113.20	1.80	0.96	500600
HPG	20.00	2.83	0.80	46.51MLN
CTG	28.60	2.33	0.78	7.69MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	22.15	-6.93	-1	60.54MLN
VIC	68.10	-1.02	-1	2.30MLN
POW	11.50	-1.71	0	13.75MLN
HDC	36.10	-5.74	0	1.76MLN
HAG	8.90	-2.31	0	21.03MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ORS	10.70	7.00	0.04	5.08MLN
SJF	4.28	7.00	0.01	1.85MLN
LPB	13.00	7.00	0.32	22.38MLN
APG	5.97	6.99	0.01	7.76MLN
HQC	3.22	6.98	0.03	13.24MLN

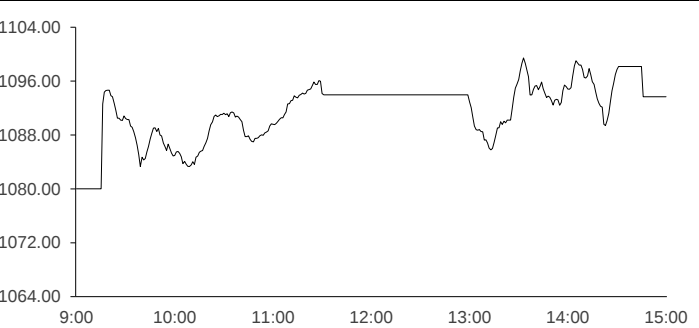
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	22.15	-6.93	-0.81	60.54MLN
VIC	68.10	-1.02	-0.67	2.30MLN
POW	11.50	-1.71	-0.12	13.75MLN
HDC	36.10	-5.74	-0.06	1.76MLN
HAG	8.90	-2.31	-0.05	21.03MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	9.90	6.45	0.72	37.37MLN
CEO	24.20	10.00	0.70	7.12MLN
HUT	17.70	9.26	0.50	4.34MLN
THD	40.70	1.50	0.34	23600.00
NVB	18.50	2.21	0.31	41600

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	36.80	-1.60	-0.24	5.55MLN
HTP	39.80	-5.01	-0.14	74700
CSC	46.00	-7.82	-0.08	261800
DNP	24.00	-2.04	-0.07	2000
L18	25.80	-7.53	-0.06	184400

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

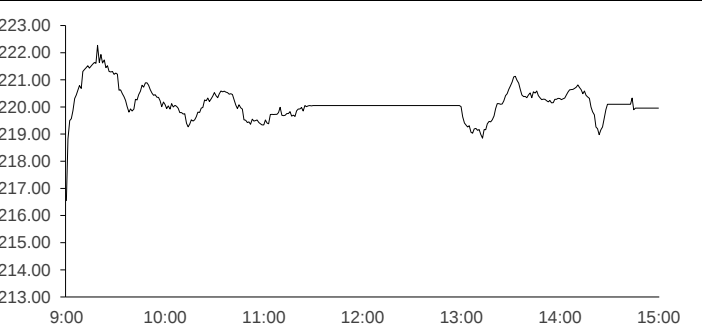
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	40.70	10.0	0.01	900
CEO	24.20	10.0	0.70	7.12MLN
FID	2.20	10.0	0.01	166300
KVC	2.20	10.0	0.02	721800
PJC	25.30	10.0	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJ1	13.50	-10.00	-0.02	600
GIC	12.00	-9.77	-0.01	18400
KTS	13.00	-9.72	-0.01	100
CTB	18.90	-9.57	-0.05	1800
PDB	11.50	-9.45	-0.01	11000

Hình 2

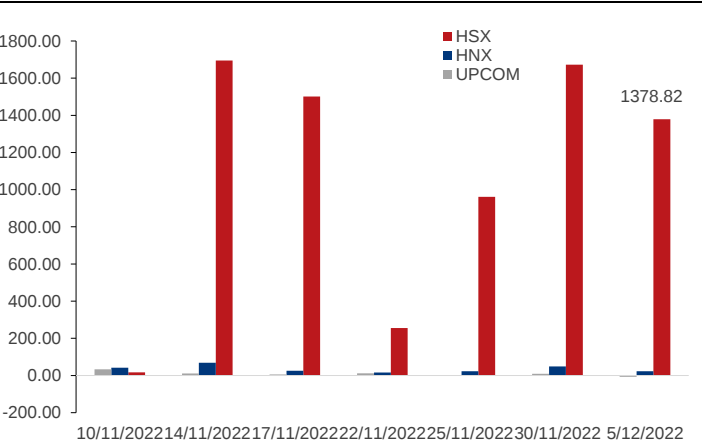
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.5	363	232.9	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	114.9	7,720	14.9	3.3	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	16.8	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	78.3	4,803	16.3	4.3	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	57.4	6,869	8.4	1.8	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	46.7	5,795	8.1	1.7	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	31.1	1,786	17.4	2.0	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	30.9	10,803	2.9	1.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	67.5	12,293	5.5	1.6	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	46.1	4,727	9.8	1.8	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	15.8	2,108	7.5	1.3	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	29.9	1,016	29.4	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	15.1	1,390	10.9	1.0	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	20.0	2,662	7.5	1.2	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	15.4	1,409	10.9	0.8	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	41.1	15,533	2.6	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	10.5	652	16.1	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.6	2,858	9.3	1.7	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	16.8	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	22.2	3,943	5.6	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	16.9	1,278	13.2	1.5	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	19.5	1,507	12.9	1.1	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.5	499	23.1	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	13.4	2,826	4.7	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	79.4	7,767	10.2	1.9	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	25.0	4,406	5.7	0.7	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	113.2	6,968	16.2	3.8	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	22.8	4,889	4.7	1.0	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	20.0	2,662	7.5	1.2	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	11.5	3,944	2.9	1.1	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	15.8	2,108	7.5	1.3	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	52.0	3,936	13.2	4.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.9	7,720	14.9	3.3	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.2	2,761	5.1	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.6	2,858	9.3	1.7	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	54.0	11,143	4.8	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	70.3	5,327	13.2	4.3	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	19.5	1,507	12.9	1.1	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.6	671	18.7	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	78.3	4,803	16.3	4.3	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	21.5	2,642	8.1	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	13.4	2,826	4.7	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.5	499	23.1	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.9	7,720	14.9	3.3	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	47.6	3,504	13.6	3.0	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.9	2,528	7.9	1.1	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	23.6	19.1	23.56%	24	3.39%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.5	74.7	13.12%	90	6.51%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	82.0	75.0	9.33%	94	14.88%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	15.8	13.6	16.18%	19	18.35%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	52.0	37.7	37.93%	51	-1.54%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	15.4	10.6	44.81%	14	-8.14%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.5	17.1	25.73%	28	30.23%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	78.3	65.9	18.82%	85	8.05%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	70.3	59.8	17.56%	75	7.11%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.2	8.20%	16	18.94%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	36.8	29.0	26.90%	43	17.93%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	22.1	16.7	32.04%	18	-17.91%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	22.2	18.9	17.46%	24	6.31%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	47.6	37.9	25.59%	50	5.67%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	114.9	94.1	22.10%	119	3.48%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.5	10.5	10.05%	13	13.04%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	16.8	13.6	23.53%	20	17.26%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	23.4	19.1	22.51%	28	19.66%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	19.9	17.5	13.71%	24	22.11%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.1	12.0	9.17%	16	22.14%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	79.4	70.2	13.11%	86	8.31%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	85.0	75.0	13.33%	90	6.24%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	39.2	34.9	12.32%	48	22.45%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	67.5	74.9	-9.88%	87	29.19%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	85.0	77.0	10.39%	86	1.06%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	31.6	25.0	26.20%	32	0.79%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thỏ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
15	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
18	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
20	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
21	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
23	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
24	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
27	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
30	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
33	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
38	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
40	Banking Sector Outlook		x	Click
41	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
43	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639